

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ VĨNH CHÂU
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 37/2023/DS-ST

Ngày: 23 - 5 - 2023

*V/v Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Dương Chiêu Hùng.
- ***Các Hội thẩm nhân dân:*** Ông Thái Trung Nghĩa
Bà Nguyễn Huỳnh Hoa
- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Hồng Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Ông Âu Hoàng Mến - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 77/2023/TLST-DS, ngày 20 tháng 3 năm 2023 về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2023/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Ông Nguyễn Duy M, sinh năm 1985; Địa chỉ: Khóm A, phường B, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn: Chị Trần Diễm M1, sinh năm 1996; Địa chỉ: Khóm A, phường B, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

- ***Bị đơn:*** Ông Võ Văn H, sinh năm 1976; (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bà Giang Thị H1, sinh năm 1982; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp P, xã T, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 02/3/2023 của nguyên đơn ông Nguyễn Duy M, cũng như quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Trần Diễm M1 trình bày: Vào ngày 10/7/2016 hộ kinh doanh L (Đại diện là ông Nguyễn Duy M) có giao kết hợp đồng mua bán thức ăn thủy sản mang

nhãn hiệu Việt Hoa và các loại thuốc và hóa chất phục vụ cho việc nuôi tôm với ông Võ Văn H thông qua hợp đồng bằng văn bản. Hợp đồng có thời hạn 01 năm kể từ ngày ký. Hợp đồng có hiệu lực từ ngày 10/7/2016 đến ngày 22/01/2018. Theo đó các bên thỏa thuận ông M có nghĩa vụ cung cấp thức ăn mang nhãn hiệu Việt Hoa và các loại thuốc, hóa chất phục vụ cho việc nuôi tôm theo đơn đặt hàng của vợ chồng ông H. Đơn giá được niêm yết tại cửa hàng và được xác định theo từng thời điểm và ghi nhận tại sổ giao nhận hàng. Hàng hóa được giao tại kho hàng và vợ chồng ông H đến lấy hoặc nhờ người nhà đến lấy theo đơn đặt hàng, kiểm tra về số lượng, đơn giá, chất lượng, chủng loại sau khi thống nhất thì ký xác nhận vào sổ giao nhận hàng hoặc khiếu nại về sản phẩm. Về phương thức thanh toán: hai bên thống nhất thỏa thuận vợ chồng ông H sẽ thanh toán cho ông M dứt điểm công nợ khi thu hoạch tôm, trường hợp nuôi thất vẫn phải thanh toán dứt điểm công nợ. Trong trường hợp nuôi nhiều hơn 01 vụ/năm thì vợ chồng ông H phải thanh toán hết công nợ vụ trước mới tiếp tục mua hàng. Trong trường hợp nhận thấy công nợ cao ông M có quyền yêu cầu vợ chồng ông H thanh toán 1 phần công nợ. Tùy trường hợp ông M có quyền chấm dứt hợp đồng nếu vợ chồng ông H lên tôm mà không thanh toán dứt điểm công nợ hoặc vi phạm cam kết thanh toán hoặc công nợ cao nhưng không gửi tiền để giảm bớt công nợ. Ông M đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình. Sau khi nhận hàng vợ chồng ông H không phản nản về số lượng, chất lượng, chủng loại, đơn giá. Tuy nhiên, vợ chồng ông H đã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Vào ngày 18/6/2020 hai bên có ký xác nhận công nợ là ông H và bà H1 còn nợ ông M số tiền 90.612.000 đồng; đến ngày 30/12/2021 ông H, bà H1 thanh toán được 10.000.000 đồng, Số tiền còn nợ lại ông M là 80.612.000 đồng (Tám mươi triệu sáu trăm mười hai nghìn đồng).

Nay tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng buộc ông Võ Văn H và bà Giang Thị H1 cùng liên đới thanh toán cho ông M một lần trên tổng số tiền còn nợ là 80.612.000 đồng (Tám mươi triệu sáu trăm mười hai nghìn đồng).

Tại phiên hòa giải ngày 12/4/2023 và đơn xin vắng mặt đề ngày 22/5/2023 ông Võ Văn H trình bày: Ông H thống nhất với phía nguyên đơn khởi kiện là còn nợ nguyên đơn số tiền 80.612.000 đồng (Tám mươi triệu sáu trăm mười hai nghìn đồng). Nhưng do hoàn cảnh khó khăn nên cho ông H trả mỗi tháng 3.000.000 đồng, ba tháng trả một lần cho đến khi dứt nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà H1, nhưng bà H1 không có văn bản gửi đến Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của ông M. Tòa án cũng đã triệu tập hợp lệ bà H1 hai lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà H1 đều vắng mặt không có lý do, Tòa án đã ban hành thông báo cho bà H1 biết kết

quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Đồng thời, Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử. Bà H1 cũng đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng bà H1 vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn H1 chưa chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng. Chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử đã xác định đúng quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc các bị đơn liên đới thanh toán số tiền mua thức ăn còn nợ 80.612.000 đồng (Tám mươi triệu sáu trăm mười hai nghìn đồng) cho nguyên đơn. Nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm đối với đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Võ Văn H có đơn xin xét xử vắng mặt, bà Giang Thị H1 đã được tổng đạt giấy triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với ông H và bà H1.

[2] Về nội dung vụ án: Vào năm 2016 nguyên đơn có bán thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản cho các bị đơn, hàng hóa được nhân viên giao hàng chở tận nơi hoặc ông H, bà H1 hoặc người nhà ông H đến lấy hàng tại kho của ông M, khi kết toán lại thì ông H và bà H1 còn nợ ông M số tiền 80.612.000 đồng (Tám mươi triệu sáu trăm mười hai nghìn đồng) và hai bên có ký đối chiếu xác nhận công nợ và được bị đơn H thừa nhận không phản đối, tình tiết nêu trên nên nguyên đơn không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận buộc các bị đơn liên đới trả số tiền mua thức ăn còn nợ là 80.612.000 đồng (Tám mươi triệu sáu trăm mười hai nghìn đồng) cho nguyên đơn.

[3] Xét ý kiến của bị đơn: Bị đơn H thừa nhận còn nợ tiền thức ăn của nguyên như nguyên đơn khởi kiện, do hoàn cảnh khó khăn nên cho ông H trả mỗi tháng

3.000.000 đồng, ba tháng trả nợ một lần cho đến khi dứt nợ. Tuy nhiên, do người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn không đồng ý nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận, vấn đề này sẽ được xem xét trong giai đoạn thi hành án.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ông Nguyễn Duy M có đơn yêu cầu thi hành án, thì hàng tháng ông H và bà H1 phải liên đới trả lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên các bị đơn phải liên đới chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 430, Điều 433, Điều 434, Điều 440, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Duy M đối với các bị đơn ông Võ Văn H, bà Giang Thị H1.

Buộc các bị đơn ông Võ Văn H, bà Giang Thị H1 có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho nguyên đơn ông Nguyễn Duy M số tiền mua thức ăn nuôi tôm còn nợ 80.612.000 đồng (Tám mươi triệu sáu trăm mười hai nghìn đồng).

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và ông Nguyễn Duy M có đơn yêu cầu thi hành án, thì hàng tháng ông H và bà H1 phải liên đới trả lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn ông Võ Văn H, bà Giang Thị H1 phải liên đới cùng chịu án phí là 4.030.600 đồng (bốn triệu không trăm ba mươi nghìn sáu trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

- Nguyên đơn ông Nguyễn Duy M không phải chịu án phí, được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.015.300 đồng (hai triệu không trăm mười lăm nghìn ba trăm đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007829 ngày 15/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ST (Phòng KTNV&THA);
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Đương sự;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Chiêu Hùng